

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2014

Báo cáo gồm có:

1. *Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN*
2. *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN*
3. *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN*
4. *Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lần 1

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.208.467.934.140	1.808.856.379.215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.309.758.242	6.842.939.779
1. Tiền	111	V.01	17.309.758.242	6.842.939.779
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.616.628.900	205.406.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.814.050.000	342.250.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(197.421.100)	(136.843.900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		677.351.356.456	820.105.672.489
1. Phải thu khách hàng	131		428.927.618.670	470.903.219.972
2. Trả trước cho người bán	132		83.936.702.337	122.959.817.622
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	177.259.036.545	232.073.295.052
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(12.772.001.096)	(5.830.660.157)
IV. Hàng tồn kho	140		491.247.462.121	959.800.743.302
1. Hàng tồn kho	141	V.04	577.889.013.989	1.046.442.295.170
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(86.641.551.868)	(86.641.551.868)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.942.728.421	21.901.617.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		94.195.786	263.579.982
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.204.346.362	1.459.363.556
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		19.644.186.273	20.178.674.007
B - Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		801.486.328.279	727.214.205.633
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		49.201.948.276	72.943.322.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	31.138.905.097	54.293.618.952
- Nguyên giá	222		118.369.022.277	158.772.296.495
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(87.230.117.180)	(104.478.677.543)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	18.063.043.179	18.649.703.102
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		752.002.536.245	653.774.694.369
1. Đầu tư vào công ty con	251		223.136.828.292	130.695.468.928
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		505.831.372.953	505.831.372.953
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	61.607.824.939	62.317.824.939
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(38.573.489.939)	(45.069.972.451)
V. Tài sản dài hạn khác	260		281.843.758	496.189.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	281.843.758	496.189.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng Tài sản (270=100+200)	270		2.009.954.262.419	2.536.070.584.848

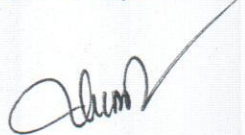
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A - Nợ phải trả (300=310+330)	300		1.446.442.756.162	1.994.143.664.492
I. Nợ ngắn hạn	310		1.078.754.495.167	1.498.977.437.693
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	436.024.030.649	521.178.643.368
2. Phải trả cho người bán	312		179.797.688.833	199.828.981.288
3. Người mua trả tiền trước	313		164.426.639.540	488.855.072.706
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	24.285.597.926	17.184.125.079
5. Phải trả người lao động	315		1.201.971.671	1.826.139.777
6. Chi phí phải trả	316	V.17	55.049.615.787	84.320.446.355
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	205.959.834.228	173.220.892.587
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.009.116.533	12.563.136.533
II. Nợ dài hạn	330		367.688.260.995	495.166.226.799
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	367.688.260.995	494.802.590.435
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			363.636.364
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		563.511.506.257	541.926.920.356
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	563.451.609.590	541.845.548.745
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	169.300.618.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			

7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.847.338.071	22.847.338.071
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.969.920.684	5.969.920.684
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			(157.945.929.497)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		59.896.667	81.371.611
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		59.896.667	81.371.611
Tổng cộng nguồn vốn	440		2.009.954.262.419	2.536.070.584.848

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

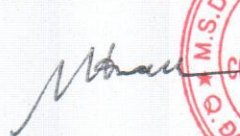
Chỉ tiêu	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		1.017.354.182	1.017.354.182
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		1.911,43	1.933,97
- USD		360,90	371,82
- EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

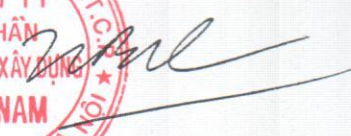


NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015



CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Quý 4 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	460.983.276.545	152.859.287.357	1.095.383.128.149	756.892.922.953
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.27	460.983.276.545	152.859.287.357	1.095.383.128.149	756.892.922.953
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	437.351.843.276	259.040.870.230	1.022.499.294.184	859.386.422.866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		23.631.433.269	(106.181.582.873)	72.883.833.965	(102.493.499.913)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	34.635.930	882.411.942	5.347.734.530	30.427.495.961
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	15.476.664.559	79.440.397.638	41.819.254.813	106.446.558.430
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.781.721.789	43.150.249.522	48.195.958.510	69.779.748.971
8. Chi phí bán hàng	24		123.966.748	61.637.332	1.205.515.040	607.734.010
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.268.110.172	737.177.569	10.537.495.743	3.026.173.947
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		5.797.327.720	(185.538.383.470)	24.669.302.899	(182.146.470.339)
11. Thu nhập khác	31		9.248.126.444	1.787.660.969	17.178.327.779	12.021.410.967
12. Chi phí khác	32		10.612.491.599	873.323.700	16.749.092.680	9.918.598.932
13. Lợi nhuận khác	40		(1.364.365.155)	914.337.269	429.235.099	2.102.812.035
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.432.962.565	(184.624.046.201)	25.098.537.998	(180.043.658.304)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	492.278.584	(927.403.235)	3.492.477.153	22.150.392
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.940.683.981	(183.696.642.966)	21.606.060.845	(180.065.808.696)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN



Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY

CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG

VIỆT NAM

Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

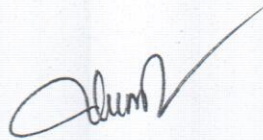
NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.098.537.998	(180.043.658.304)
2. Điều chỉnh cho các khoản			(13.249.852.649)	195.672.959.793
- Khấu hao TSCĐ	02		9.357.688.141	9.006.459.938
- Các khoản dự phòng	03		505.435.627	122.668.346.113
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		13.518.094	457.514.983
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(71.322.453.021)	(6.239.110.212)
- Chi phí lãi vay	06		48.195.958.510	69.779.748.971
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.848.685.349	15.629.301.489
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		112.158.118.635	(6.732.259.184)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		476.735.791.631	(160.323.713.365)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(315.034.686.286)	162.638.002.394
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		383.729.648	(359.927.206)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(78.445.841.380)	(78.631.322.529)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.139.585.306)	(4.488.741.161)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.635.672.195	9.089.105.535
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.889.742.195)	(413.256.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		202.252.142.291	(63.592.810.187)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(599.249.168)	(1.708.026.462)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		83.154.137.155	11.559.160.498
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			47.057.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(57.938.416.958)	(82.949.696.841)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		710.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.779.775.727	11.454.755.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.106.246.756	(14.586.307.486)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			

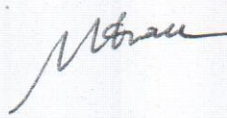
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯY KÊ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		379.596.773.001	803.425.129.249
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(598.487.310.700)	(776.840.001.837)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(414.461.334)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.227.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(218.890.537.699)	26.169.438.453
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.467.851.348	(52.009.679.220)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.842.939.779	58.851.316.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.032.885)	1.302.575
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	31	17.309.758.242	6.842.939.779

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN



Hàng ngày 12 tháng 02 năm 2015
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân dề, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo hướng dẫn tại công văn số 5652/UBCK-QLPH ngày 15/10/2014 của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Công ty tạm sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần để bù đắp số lỗ lũy kế tính đến hết ngày 31/12/2014 là 136.339.868.652 VND. Thặng dư vốn cổ phần sau khi bù lỗ còn lại là 32.960.749.348 VND. Công ty sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp trong tháng 3/2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2014 là năm tài chính thứ 9 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.246 VND/USD

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và nguyên tắc xác định giá vốn

Doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Đối với hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng: doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Đối với hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ

Giá vốn

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VIII.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

1- Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Tiền mặt		335.758.676	254.253.677	
- Tiền gửi ngân hàng		16.973.999.566	6.588.686.102	
- Các khoản tương đương tiền				
Cộng		17.309.758.242	6.842.939.779	
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		1.814.050.000		342.250.000
+ Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	131.000	1.471.800.000		
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	29.769	342.250.000	29.769	342.250.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(197.421.100)	-	(136.843.900)
Cộng		1.616.628.900		205.406.100
3- Các khoản phải thu ngắn hạn		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Phải thu khác:		177.259.036.545	232.073.295.052	
Cộng		177.259.036.545	232.073.295.052	
4- Hàng tồn kho		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Hàng mua đang đi trên đường		1.016.686.736		
- Nguyên liệu, vật liệu		17.202.860.833	21.475.673.853	
- Công cụ, dụng cụ		84.858.818	84.858.818	
- Chi phí SX, KD dở dang		530.730.031.648	975.198.131.776	
- Thành phẩm		94.598.520	94.598.520	
- Hàng hóa		28.641.458.139	49.470.512.908	
- Hàng gửi đi bán		118.519.295	118.519.295	
Cộng giá gốc hàng tồn kho		577.889.013.989	1.046.442.295.170	
5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Thuế GTGT còn được khấu trừ		1.204.346.362	1.459.363.556	
Cộng		1.204.346.362	1.459.363.556	
6- Phải thu dài hạn nội bộ		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Cho vay dài hạn nội bộ				
- Phải thu dài hạn nội bộ khác				
Cộng				
7. Phải thu dài hạn khác		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Ký quỹ, ký cược dài hạn				
Cộng				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu năm</i>	24.444.607.430	104.155.642.476	29.848.662.031	323.384.558		158.772.296.495
- Mua trong kỳ		1.142.272.727		43.636.364		1.185.909.091
- Chuyển từ tài sản thuê TC						
- Phân loại lại						
- Thanh lý, nhượng bán	(2.494.237.301)	(23.858.818.842)	(15.236.127.166)			(41.589.183.309)
- Giảm khác						
31/12/2014	21.950.370.129	81.439.096.361	14.612.534.865	367.020.922		118.369.022.277
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	5.917.467.452	76.695.481.863	21.542.343.670	323.384.558		104.478.677.543
- Khấu hao trong kỳ	1.296.354.584	7.022.472.963	1.049.426.447	10.909.091		9.379.163.085
- Chuyển từ tài sản thuê TC						
- Phân loại lại		3.090.900	(3.090.900)			
- Thanh lý, nhượng bán	(427.137.895)	(16.635.758.927)	(9.564.826.626)			(26.627.723.448)
- Giảm khác						
31/12/2014	6.786.684.141	67.085.286.799	13.023.852.591	334.293.649		87.230.117.180
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	18.527.139.978	27.460.160.613	8.306.318.361			54.293.618.952
- 31/12/2014	15.163.685.988	14.353.809.562	1.588.682.274	32.727.273		31.138.905.097

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
31/12/2014						
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Khấu hao trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
31/12/2014						
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê Tài chính						
- Tại ngày đầu năm						
- 31/12/2014						

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm Website	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Mua trong kỳ						
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
- Giảm khác						
<i>31/12/2014</i>						
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Khấu hao trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<i>31/12/2014</i>						
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu năm						
- 31/12/2014						

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí XDDB dở dang

Trong đó: Những công trình lớn:

Mua sắm TSCĐ

Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên

Dự án khu đô thị MECO - CITY

Cuối kỳ	Đầu năm
18.063.043.179	18.649.703.102
1.223.229.426	2.132.320.335
16.732.509.213	16.410.078.227
107.304.540	107.304.540

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và Quyền sử dụng đất				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và Quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và Quyền sử dụng đất				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

13- Đầu tư dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư vào công ty con				
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	15.724.775	157.247.747.734	7.578.335	75.783.352.403
+ Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO	2.906.492	29.364.917.929	1.825.102	18.551.021.929
+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	1.658.649	16.586.491.993	1.652.447	16.524.470.641
+ Công ty CP khoáng sản MECO	643.767	6.437.670.636	633.662	6.336.623.955
+ Công ty CP Bất động sản MECO	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
Cộng		223.136.828.292		130.695.468.928
b. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
+ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	27.500.000	316.334.580.000	27.500.000	316.334.580.000
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	224.147	2.241.470.000	224.147	2.241.470.000
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn	420.724	4.207.240.000	420.724	4.207.240.000
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		8.048.082.953		8.048.082.953
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn Giang		175.000.000.000		175.000.000.000
Cộng		505.831.372.953		505.831.372.953
c. Đầu tư dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư dài hạn khác		61.607.824.939		62.317.824.939
Cộng		61.607.824.939		62.317.824.939
14- Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Chi phí di dời TSCĐ		276.506.258		490.851.710
- Chi phí sửa chữa TSCĐ		5.337.500		5.337.500
Cộng		281.843.758		496.189.210
15- Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Vay ngắn hạn		168.479.722.537		508.560.143.368
- Nợ dài hạn đến hạn trả		267.544.308.112		12.618.500.000
Cộng		436.024.030.649		521.178.643.368
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Thuế GTGT		21.807.739.219		9.628.200.764
- Thuế TNDN		(341.502.632)		4.798.082.674
- Thuế TNCN		230.028.276		130.458.578
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		153.303.911		153.303.911
- Các loại thuế khác		2.436.029.152		2.474.079.152
Cộng		24.285.597.926		17.184.125.079
17- Chi phí phải trả	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Chi phí phải trả		55.049.615.787		84.320.446.355
Cộng		55.049.615.787		84.320.446.355
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Bảo hiểm xã hội		774.261.452		1.408.436.470
- Bảo hiểm thất nghiệp		55.634.419		235.112.765
- Kinh phí công đoàn		776.600.526		991.609.254
- Phải trả về cổ phần hoá		252.180.000		252.180.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		204.101.157.831		170.333.554.098
Cộng		205.959.834.228		173.220.892.587

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**19- Phải trả dài hạn nội bộ**

- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn
- Vay dài hạn nội bộ
- Phải trả dài hạn nội bộ khác

Cộng**Cuối kỳ****Đầu năm****20- Vay và nợ dài hạn**

- a- Vay dài hạn
- Vay ngân hàng
- Trái phiếu phát hành

	Cuối kỳ	Đầu năm
	366.938.260.995	472.502.590.435
	750.000.000	22.300.000.000

- b- Nợ dài hạn
- Thuê tài chính
- Nợ dài hạn khác

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	367.688.260.995	494.802.590.435

* Giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi:

10.250.000.000 VNĐ

* Thời hạn thanh toán trái phiếu:

- Các khoản nợ thuê tài chính

	31/12/2014			Năm trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1-5 năm				455.413.242	40.951.908	414.461.334
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Cuối kỳ****Đầu năm**

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả****Cuối kỳ****Đầu năm**

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế chưa	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	169.300.618.000		(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684		22.119.879.199	721.911.357.441
- Lãi trong năm trước								(180.065.808.696)	(180.065.808.696)
Số dư cuối năm trước -									
Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	169.300.618.000		(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684		(157.945.929.497)	541.845.548.745
- Lãi trong kỳ								21.606.060.845	21.606.060.845
- Bù lỗ kinh doanh bằng thặng dư vốn CP		(136.339.868.652)						136.339.868.652	
Số dư 31/12/2014	575.100.000.000	32.960.749.348		(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684			563.451.609.590

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Thặng dư vốn cổ phần

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
575.100.000.000	575.100.000.000
169.300.618.000	169.300.618.000
744.400.618.000	744.400.618.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

* Số lượng cổ phiếu quỹ 5.460.000 CP

c- Các giao dịch về vốn đối với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - + Vốn góp đầu năm
 - + Vốn góp tăng trong năm
 - + Vốn góp giảm trong năm
 - + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay	Năm trước
575.100.000.000	575.100.000.000
575.100.000.000	575.100.000.000

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

đ- Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - + Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
 - + Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - + Cổ phiếu phổ thông

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

Cuối kỳ	Đầu năm
57.510.000	57.510.000
57.510.000	57.510.000
57.510.000	57.510.000
5.460.000	5.460.000
5.460.000	5.460.000
52.050.000	52.050.000
52.050.000	52.050.000

e- Quỹ khác của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
22.847.338.071	22.847.338.071
5.969.920.684	5.969.920.684
28.817.258.755	28.817.258.755

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán khác

23- Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ

Cuối kỳ	Đầu năm
59.896.667	81.371.611

24- Tài sản thuê ngoài

- 1- Giá trị tài sản thuê ngoài

- TSCĐ thuê ngoài
- Tài sản khác thuê ngoài

- 2- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn

- Đến 1 năm
- Trên 1-5 năm
- Trên 5 năm

Cuối kỳ	Đầu năm
---------	---------

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu khác
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- + Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ

Q4/2014	Q4/2013
460.983.276.545	152.859.287.357
82.251.844.981	61.920.939.667
6.749.479.767	1.965.636.805
314.367.383.614	
57.614.568.183	88.972.710.885
57.614.568.183	88.972.710.885
Q3/2014	Q3/2013

26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

- + Chiết khấu thương mại
- + Giảm giá hàng bán
- + Hàng bán bị trả lại
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Thuế xuất khẩu

Q4/2014	Q4/2013
460.983.276.545	152.859.287.357
82.251.844.981	61.920.939.667
6.749.479.767	1.965.636.805
314.367.383.614	
57.614.568.183	88.972.710.885

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

- Trong đó:
- + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa
 - + Doanh thu thuần khác
 - + Doanh thu thuần kinh doanh BĐS
 - + Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng

Q4/2014	Q4/2013
460.983.276.545	152.859.287.357
82.251.844.981	61.920.939.667
6.749.479.767	1.965.636.805
314.367.383.614	
57.614.568.183	88.972.710.885

28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

- Giá vốn của hàng hoá đã bán
- Giá vốn khác
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán
- Giá vốn xây dựng

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Q4/2014	Q4/2013
29- Doanh thu hoạt động tài chính	13.520.545	62.383.796
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	10.500.000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.615.385	278.900.000
- Lãi kinh doanh chứng khoán		541.128.146
- Lãi bán hàng trả chậm	34.635.930	882.411.942
Cộng		
30- Chi phí tài chính	15.781.721.789	43.150.249.522
- Lãi tiền vay	7.922.391	2.212.501
- Chi phí giao dịch chứng khoán	13.518.094	457.514.983
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(326.497.715)	35.830.420.632
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	15.476.664.559	79.440.397.638
Cộng		
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	4.432.962.565	(184.624.046.201)
Thuế suất thuế TNDN là 22%		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.237.629.927	
Trong đó	2.195.332.638	(184.624.046.201)
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác		
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(174.395.434.217)	131.203.827
+ Các khoản điều chỉnh tăng		131.203.827
Phạt vi phạm hành chính		131.203.827
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	(174.395.434.217)	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(10.500.000)	
Cổ tức được nhận	(174.384.934.217)	
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(169.962.471.652)	(184.492.842.374)
- Tổng thu nhập chịu thuế		
Trong đó:	2.237.629.927	
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(172.200.101.579)	(184.492.842.374)
Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	22%	25%
- Thuế suất thuế TNDN		(927.403.235)
- Thuế TNDN điều chỉnh cho các kỳ trước	492.278.584	(927.403.235)
- Thuế TNDN phải nộp		
32. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 52)	Q4/2014	Q4/2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	Q4/2014	Q4/2013
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền

- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý

- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ

c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

VIII. Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q4/2014	Q4/2013
Tiền lương	256.809.591	255.505.045
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	29.236.680	27.190.485
Cộng	286.046.271	282.695.530

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng
Công ty CP Khoáng sản MECO
Công ty CP Bất động sản MECO
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch
HDQT kiểm Tổng giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả về khối lượng thi công

Kỳ này
2.338.996.157

Công ty CP Bất động sản MECO

Phải thu về tiền thí nghiệm

Phải trả về khối lượng thi công

30.415.000
17.195.862.441

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng

Phải thu về các khoản khác

Phải trả về khối lượng thi công

5.354.607.966
42.588.825

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

Phải thu về tiền vật tư

Phải thu về tiền khối lượng thi công

Phải thu các khoản khác

Số cuối kỳ

Số đầu năm

53.171.441.483
281.080.800
254.500.160

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO**

Phải thu về tiền cho vay

10.813.896.000

Công ty CP Bất động sản MECO

Ứng trước tiền thi công

20.351.534.739

48.010.128.776

Phải thu về tiền điện nước

888.742.456

Công ty CP Thủy điện Văn Chấn

Phải thu về tiền khối lượng thi công

1.708.215.973

4.199.870.176

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác

9.661.046.935

3.109.941.746

Ứng trước tiền thi công

7.866.271.188

Phải thu khác

475.162.640

32.609.540.103**128.182.292.969****Cộng nợ phải thu****Số cuối kỳ****Số đầu năm****Công ty CP Thủy điện Thác Xăng**

Ứng trước tiền thi công

2.582.367.991

2.582.367.991

Công ty CP Bất động sản MECO

Ứng trước tiền hàng

684.750.215

684.750.215

Phải trả tiền hàng

169.022.700

269.597.400

Phải trả tiền thi công

19.226.651.291

13.221.652.918

Công ty CP Thủy điện Văn Chấn

Ứng tiền thi công công trình

13.376.513

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả các khoản khác

9.900.149

211.800.149

Phải trả tiền thi công

1.249.571.973

3.520.201.496

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải trả tiền thi công

2.504.454.349

2.982.790.772

Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Phải trả tiền thi công

13.219.371.169

18.801.645.198

39.659.466.350**42.274.806.139****Cộng nợ phải trả**

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.614.568.183	82.251.844.981	314.367.383.614	6.749.479.767	460.983.276.545
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa bộ phận					
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.614.568.183	82.251.844.981	314.367.383.614	6.749.479.767	460.983.276.545
Chi phí bộ phận	56.232.181.225	82.499.473.246	293.093.963.394	7.918.302.331	439.743.920.196
KQKD theo bộ phận	1.382.386.958	(247.628.265)	21.273.420.220	(1.168.822.564)	21.239.356.349
CP không phân bổ theo bộ phận					21.239.356.349
Lợi nhuận từ hoạt động KD					34.635.930
Doanh thu hoạt động tài chính					15.476.664.559
Chi phí tài chính					9.248.126.444
Thu nhập khác					10.612.491.599
Chi phí khác					492.278.584
Chi phí thuế TNDN hiện hành					
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					3.940.683.981
Lợi nhuận sau thuế TNDN					
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					599.249.168
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					9.379.163.085

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	891.744.557.525	341.255.099.672	697.567.362.096	79.387.243.126	2.009.954.262.419
Các tài sản không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	891.744.557.525	341.255.099.672	697.567.362.096	79.387.243.126	2.009.954.262.419
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	679.303.494.869	349.884.907.867	413.675.578.685	3.578.774.741	1.446.442.756.162
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
Tổng nợ phải trả	679.303.494.869	349.884.907.867	413.675.578.685	3.578.774.741	1.446.442.756.162
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	275.401.822.026	1.420.481.971.616	818.820.679.882	21.366.111.324	2.536.070.584.848
Các tài sản không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	275.401.822.026	1.420.481.971.616	818.820.679.882	21.366.111.324	2.536.070.584.848
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	193.571.835.079	998.414.970.238	787.139.248.373	15.017.610.802	1.994.143.664.492
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
Tổng nợ phải trả	193.571.835.079	998.414.970.238	787.139.248.373	15.017.610.802	1.994.143.664.492

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6- Thông tin về hoạt động liên tục

7- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 4 năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013.

Kết quả sản xuất kinh doanh Q4/2013 bị lỗ là do Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, một số công trình xây lắp bị Chủ đầu tư cắt giảm sản lượng và không duyệt bù giá nên bị quyết toán lỗ. Ngoài ra, việc thu hồi vốn chậm do các Chủ đầu tư và đối tác chậm thanh toán không trả được nợ vay ngân hàng làm lãi vay tăng dẫn đến lợi nhuận giảm.

Hiện tại, Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng và hạ tầng kỹ thuật trường học tại 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội đang đi vào khai thác nên kết quả kinh doanh năm 2014 được cải thiện hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN



Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

